

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2025/HC-PT**

Ngày 20/8/2025.

*V/v: **Kiến quyết định hành chính**
trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán:

ông **Lê Văn Thường**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quốc Lập**, Thư ký viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông
Lê Văn Thành, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 25/2025/TLPT-HC ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc “**Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai**”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2025/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 215A/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông **Phạm Văn T1**. Địa chỉ: **thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)**. Có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Nguyễn Khắc T2** - sinh năm 1965 (văn bản ủy quyền ngày 27/5/2025); địa chỉ: **thôn F, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk)**. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông **Bùi Phúc T3** - Luật sư của **Công ty L2 Luật thuộc Đoàn luật sư Thành phố H**.

Địa chỉ: **số B đường M, Phường A, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B đường M, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh)**. Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Minh C**; chức vụ: Chủ tịch UBND xã E. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn **Một thành viên C2**.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Công T4; chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Địa chỉ: km E Quốc lộ B, thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là km 59, quốc lộ B, thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Phạm Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Đức T5 trình bày:*

Ông Phạm Văn T1 là người sử dụng diện tích 6.976,6m² đất giao khoán với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C2 theo Hợp đồng giao khoán số 15/HĐ-GNK ngày 01/11/2021. Phần diện tích đất nêu trên thuộc trường hợp đất bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu Trung tâm hành chính mới huyện E. Ngày 28/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ trên. Nhận thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện E giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 là chưa thỏa đáng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T1. Bồi lẽ:

Thứ nhất: đối với đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất. Theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện E xác định khoản tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất là tài sản chung của Công ty và người nhận khoán Phạm Văn T1 là chưa đúng. Bởi theo quy định tại mục 2 khoản 2 Điều 78 của Luật Đất đai 2013 thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán là đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại. Trên thực tế theo Hợp đồng giao nhận khoán, Công ty G cho ông T1 dưới hình thức khoán ổn định theo chu kỳ. Nên tất cả các chi phí đầu tư vào đất theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 47/2014 đều do người nhận khoán đầu tư.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện E xác định đối tượng được nhận bồi thường chi phí đầu tư vào đất là tài sản chung của Công ty và người nhận khoán là chưa đúng theo quy định của pháp luật và chưa phù hợp với thực tế khách quan.

Thứ hai: đối với khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

a, Đối với cá nhân người nhận khoán.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định 01/2017 và quy định tại điểm 1 khoản 6 Điều 2 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND tỉnh Đ thì ông T1 là đối tượng sử dụng đất nhận khoán, chưa nghỉ hưu, vẫn còn tham gia lao động. Do đó, ông T1 thuộc đối tượng được hưởng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại điểm 1 khoản 6 Điều 2 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND tỉnh Đ.

b, Đối với nhân khẩu của cá nhân người nhận khoán.

Căn cứ theo điểm 2 khoản 6 Điều 2 Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND tỉnh Đ thì hộ gia đình ông T1 gồm: ông T1 và mẹ ông T1 (bà Phạm Thị D) phải được hưởng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định.

Tuy nhiên, hiện nay Ủy ban nhân dân huyện E chỉ tính cho ông mức hỗ trợ là 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đối diện tích thu hồi là chưa chính xác và thiếu khoản hỗ trợ cho thành viên hộ gia đình ông T1 theo các quy định trên.

Thứ ba: đối với việc áp dụng chế độ trợ cấp ngừng việc ông T1 là người lao

động được Công ty thuê theo hợp đồng lao động, có tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định 47/2014 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 148/2020 thì: "Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động nhưng thời gian trợ cấp không quá 06 tháng".

Tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 148/2020 quy định:

"g) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất".

Trên thực tế Công ty và công nhân nhận khoán đã ngưng đầu tư và sản xuất vụ mùa từ năm 2022 cho đến nay đối với phần diện tích đã có thông báo thu hồi ngày 28/07/2022. Do đó, người lao động theo Hợp đồng lao động được hưởng trợ cấp ngừng việc do việc thu hồi đất dẫn đến người lao động bị ngưng việc. Ông T1 thuộc đối tượng được áp dụng chế độ trợ cấp ngừng việc. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện E vẫn chưa tính khoản hỗ trợ này cho ông T1.

Thứ tư: đối với hỗ trợ ổn định đời sống.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 Ủy ban nhân dân huyện E chỉ xác định ông T1 được hưởng khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống là chưa đúng. Bởi theo khoản 5 Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND tỉnh Đ quy định:

Hai đối tượng sau:

+ Đối tượng thứ nhất: "hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp";

+ Đối tượng thứ hai: "hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hoặc hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức".

Thì "số nhân khẩu không phải là cán bộ, công nhân viên, công chức, viên chức được hỗ trợ đời sống theo mức quy định tại khoản 1 Điều này".

Như vậy, ông T1 thuộc đối tượng thứ nhất, trong hộ gia đình của ông có bà Phạm Thị D không phải là cán bộ, công nhân viên, công chức, viên chức nên bà D đủ điều kiện được hưởng hỗ trợ đời sống.

Thứ năm: về xác định diện tích để tính các chi phí bồi thường, hỗ trợ.

Theo các trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ mà Trung tâm đã cung cấp thì không thể hiện bất kỳ phần diện tích nào thuộc hành lang giao thông và không nằm trong diện tích của hợp đồng giao khoán. Vì vậy, việc xác định phần diện tích 152,5m² không thuộc phạm vi giao khoán là chưa rõ ràng.

Hơn nữa, trong trường hợp thu hồi đất này, Nhà nước không bồi thường về

quyền sử dụng đất mà chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất. Do đó, cần xem xét người sử dụng đất đã đầu tư vào đất với diện tích thực tế bao nhiêu để tính chi phí đầu tư vào đất là hợp lý để người nông dân có điều kiện để ổn định đời sống và canh tác.

Thứ sáu: đối với hợp đồng giao khoán giữa ông với Công ty. Ông là người đang sử dụng diện tích 6.976,6m² đất giao khoán theo Hợp đồng giao nhận khoán số 15/HĐ-GNK đã ký kết với Công ty C2.

Hiện nay, phía công ty vẫn chưa tiến hành thanh lý những hợp đồng giao nhận khoán trên với ông T1. Do đó, những hợp đồng giao nhận khoán này vẫn còn hiệu lực theo quy định pháp luật dân sự.

Việc Ủy ban nhân dân huyện E yêu cầu ông phải bàn giao phần diện tích trên, trong khi hợp đồng giao nhận khoán vẫn chưa được thanh lý là áp đặt và xâm phạm đến quyền lợi của ông T1.

Vì vậy, ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng Dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu trung tâm hành chính mới huyện EaKar đối với phần hỗ trợ của ông Phạm Văn T1.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải lập lại phương án phê duyệt bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho ông Phạm Văn T1 theo đúng quy định. Cụ thể: xác định lại đối tượng được hưởng chi phí đầu tư vào đất còn lại; tính lại khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bổ sung khoản chế độ trợ cấp ngừng việc; bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho thành viên trong hộ ông Phạm Văn T1; xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ.

- Hủy văn bản số 177/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 01/8/2024 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân khi Nhà nước thu hồi đất nội dung nêu trên.

* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E là ông Lê Đình C1 trình bày:

1. Nguồn gốc sử dụng đất: căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất, thời điểm tạo lập tài sản của Ủy ban nhân dân xã E, cụ thể: đất thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk giao cho Công ty C2 thuê 5.326.998m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp tại Quyết định số 3611/QĐ.UBND ngày 09/12/2009 và thuộc phạm vi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 343963, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 02289 ngày 17/8/2018. Nguồn gốc Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Bồi thường về đất:

1.1 Theo Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất

"Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;
2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;

3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này; "

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013 đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất thì không được bồi thường về đất. Theo xác nhận của UBND xã E thì toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc của Công ty TNHH MTV C2 thuê đất trả tiền hàng năm. Từ các căn cứ nêu trên thì toàn bộ diện tích nằm trong phương án không đủ kiện bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Về yêu cầu khởi kiện của ông T1:

1. Xác định lại đối tượng được hưởng chi phí đầu tư vào đất.

- Theo Điều 78 của Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"Điều 78. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo.

1. Tổ chức kinh tế đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này thì được bồi thường về đất; mức bồi thường về đất được xác định theo thời hạn sử dụng đất còn lại.

2. Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính đang sử dụng đất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm khi Nhà nước thu hồi đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại nếu chi phí này không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Trường hợp đất nông nghiệp không phải là đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức kinh tế đã giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Công ty TNHH MTV C2 cho biết có đầu tư chi phí vào đất nhưng không cung cấp được chứng từ đã đầu tư vào đất. Ông T1 cho rằng mình có đầu tư vào đất nhưng cũng không cung cấp được chứng từ.

Quy định tại khoản 2 Điều 78 của Luật Đất đai 2013 thì chi phí đầu tư vào đất còn lại tổ chức kinh tế (Công ty TNHH MTV C2) và hộ gia đình, cá nhân nhận khoán (ông Phạm Văn T1) đều được hưởng khoản bồi thường này. Nên xác định là khoản tiền bồi thường là tài sản chung đã đúng theo quy định pháp luật. Việc phân chia hoặc tranh chấp khoản bồi thường là giữa ông T1 và Công ty TNHH MTV C2.

2. Yêu cầu tính lại hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Phạm Văn T1.

Đối tượng khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ là: "1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty N, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà

nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định"

Căn cứ Công văn số 4310/UBND-NNMT ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, ngày 15/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ xác định:

- Số nhân khẩu trong hộ: lấy theo nhân khẩu có trong hộ khẩu trước thời điểm thông báo thu hồi đất;

- Số nhân khẩu không hưởng lương: là nhân khẩu không thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên từ ngân sách Nhà nước, lương hưu, lương do các tổ chức khác chi trả thông qua hợp đồng lao động có đóng bảo hiểm xã hội.

- Theo khoản điểm 2 khoản 6 Điều 2 Quyết định 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ sửa đổi và bổ sung một số điều của các Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh quy định:

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 18 như sau:

"2. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT là 1,5 (một phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với toàn bộ diện tích thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Đối với hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán, tại thời điểm thu hồi đất trong hộ có trường hợp đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp và trường hợp chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, mức hỗ trợ là 1,5 (một phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với toàn bộ diện tích thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương".

- Chế độ hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho ông Phạm Văn T1 được áp dụng "Đối với hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán, tại thời điểm thu hồi đất trong hộ có trường hợp đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp và trường hợp chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, mức hỗ trợ là 1,5 (một phẩy năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với toàn bộ diện tích thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

Hộ ông Phạm Văn T1 có 02 thành viên gồm ông T1 và mẹ là bà Phạm Thị D công nhân đã nghỉ hưu. Do đó, việc áp dụng hỗ trợ 1,5 lần giá đất là phù hợp với quy định nêu trên.

Việc đề nghị của công dân là vừa áp điểm 1 và điểm 2 khoản 6 Điều 2 Quyết định 05 là không có căn cứ. Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm chỉ được áp dụng một lần và đối tượng các hộ có công nhân nghỉ hưu ở đây là điểm 2 khoản 1 Điều 6 (hỗ trợ 1,5 lần giá đất).

4. Yêu cầu bổ sung chế độ ngừng việc

Theo khoản 4 Điều 17 Quyết định số 14 quy định:

"4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuê theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP thì được áp dụng chế độ trợ cấp ngừng việc. Mức trợ cấp ngừng việc được tính bằng tiền lương tối thiểu nhân với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian 06 (sáu) tháng, được chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: "

Đối tượng trên là người lao động được thuê theo hợp đồng lao động quy định tại khoản 6 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Đối tượng của khoản 6 điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP là: "Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động nhưng thời gian trợ cấp không quá 06 tháng."

Đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này là: "đ) Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất."

Cụ thể: người công nhân được thuê lao động mà tổ chức đó bị ngừng sản xuất thì mới được hỗ trợ trợ cấp ngừng việc. Ở đây Công ty TNHH MTV C2 không bị ngừng sản xuất, kinh doanh nên các cá nhân nhận khoán không đủ điều kiện áp dụng trợ cấp ngừng việc.

5. Về hỗ trợ ổn định đời sống

Theo khoản 5 Điều 17 Quyết định số 14 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ:

"5. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp; hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hoặc hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì số nhân khẩu không phải là cán bộ, công nhân viên, công chức, viên chức được hỗ trợ đời sống theo mức quy định tại khoản 1 Điều này; hỗ trợ ổn định sản xuất không quá 2.000.000đồng cho 01 (một) hộ. Việc xác định số nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức đang sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp được dựa trên kê khai của hộ gia đình bị thu hồi đất và xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi."

- Đối với hộ ông Phạm Văn T1: có ông T1 là công nhân, mẹ là công nhân đã nghỉ hưu. Trong hộ có ông Phạm Văn T1 chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp. Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt phương án đối với số nhân khẩu hỗ trợ 01/02 nhân khẩu. Ủy ban nhân dân đã áp dụng hỗ trợ đầy đủ cho đối tượng ông T1, mẹ ông T1 đã nghỉ hưu nên không đủ điều kiện áp dụng.

5. Xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ

Căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc số 32/GXN-UBND đối với diện tích nhận khoán của ông **Phạm Văn T1** của Ủy ban nhân dân xã E ngày 12/3/2024, xác định:

Thửa đất số 181 (một phần thửa 193a), tờ bản đồ 68 (14). Theo trích lục mảnh trích đo địa chính số 5033/TL-VPĐKĐĐ/KTĐC Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ cấp ngày 05/7/2022.

- Diện tích thu hồi 6.976,6m² diện tích giao khoán 6.600m², diện tích chênh lệch giữa thu hồi với giao khoán tăng 376,6m², biến động tăng do sai số giữa hai lần đo đạc 224.1m², tăng vào đất đường bờ lô không thuộc phạm vi giao khoán 152,5m².

Do đó, đối với diện tích 152,5m² lấn vào đường bờ lô (đường giao thông, không thuộc phạm vi giao đất, cho thuê đất) không đủ điều kiện hỗ trợ. Việc hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm chỉ hỗ trợ đối với đất nông nghiệp. Đất đường giao thông không quy định hỗ trợ.

Từ các hồ sơ, tài liệu có liên quan và căn cứ theo các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân huyện E đã thực hiện đúng, đủ theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị D1** trình bày: bà đồng ý với nội dung đơn khởi kiện của ông **Phạm Văn T1**. Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông **Phạm Văn T1**.

- Công ty TNHH MTV C2 do ông **Đỗ Viết D2** đại diện trình bày: ông **Phạm Văn T1** có ký kết hợp đồng giao nhận khoán với Công ty với tổng diện tích nhận khoán là 6.976,6m² được ký kết trên 01 Hợp đồng nhận khoán là Hợp đồng số 15/HĐ-GNK được ký kết vào ngày 01/11/2021.

Việc chi phí đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng khoán của 01 hợp đồng trên, người lao động tự đầu tư canh tác và thực hiện theo các quyền lợi và nghĩa vụ đã ghi trong hợp đồng. Diện tích này đã nằm trong diện tích thu hồi để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng kè và san nền khu Trung tâm Hành chính mới huyện E. Những vấn đề người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết bao gồm:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/05/2024 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ xây dựng dự án Đầu tư xây dựng bờ kè và san nền khu Trung tâm Hành chính mới huyện E.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E phải ban hành lại phương án bồi thường. Cụ thể: xác định lại đối tượng được hưởng chi phí đầu tư vào đất còn lại; bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề tìm kiếm việc làm; bổ sung khoản thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông **Phạm Văn T1**; xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ.

Về phía Công ty TNHH MTV C2 nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 118 khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng Hành chính; Điều 65, 66, 82,

83, 84 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T1**.

+ Hủy một phần Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của **UBND huyện E** về đối tượng hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

+ Buộc **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành lại quyết định bồi thường về đối tượng được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại là ông **Phạm Văn T1**.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T1** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Tính lại khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bổ sung khoản tiền chế độ trợ cấp ngừng việc; bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho thành viên trong hộ ông **Phạm Văn T1**; xác định lại diện tích để tính các khoản hỗ trợ.

+ Hủy văn bản số 177/TTPTQĐ-BTGPMB ngày 01/8/2024 của **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E** về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân khi Nhà nước thu hồi đất nội dung nêu trên.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2025, người khởi kiện ông **Phạm Văn T1** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận tính lại khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không bổ sung khoản tiền chế độ trợ cấp ngừng việc; không bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho thành viên trong hộ ông **Phạm Văn T1** và không xác định lại diện tích đất để tính các khoản hỗ trợ là không đúng. Ông **T1** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản nêu trên cho ông, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 13/5/2025, ông **Nguyễn Công T4** là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH MTV C2** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. **Công ty C2** đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T1** về đối tượng hưởng hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, giữ nguyên Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của **Ủy ban nhân dân huyện E**.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông **Phạm Văn T1** là ông **Nguyễn Khắc T2** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Ông **T2** đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Văn T1**, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Phiên tòa mở lần thứ hai nhưng **Công ty TNHH MTV C2** vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Phạm Văn T1** và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH MTV C2**; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết

quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C2** vắng mặt. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của **Công ty TNHH MTV C2**. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của **Công ty TNHH MTV C2**.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông **Phạm Văn T1**, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất: hộ ông **Phạm Văn T1** là người sử dụng diện tích 6.600m² đất giao khoán với **Công ty TNHH MTV C2** theo Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cây trồng màu giai đoạn 2020-2024 số 15/HĐ-GNK ngày 01/11/2021. Đất thuộc phạm vi Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho **Công ty C2** thuê 5.326.998m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp tại Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 09/12/2009, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 343963, sổ vào sổ cấp GCN: CT 02289 ngày 17/8/2018, nguồn gốc Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Ngày 28/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 43/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để phục vụ xây dựng công trình: xây dựng kè và san nền khu Trung tâm Hành chính mới huyện EaKar đối với phần bồi thường, hỗ trợ của hộ ông **Phạm Văn T1**.

[2.2] Xét yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Hội đồng xét xử thấy: ông **T1** bị thu hồi đất nhưng không thuộc trường hợp được bồi thường về đất. Hộ ông **T1** có 02 thành viên, gồm: ông **T1** (sinh năm 1975) và mẹ là bà **Phạm Thị D** là công nhân đã nghỉ hưu. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện E áp dụng hỗ trợ 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông **T1**.

[2.3] Đối với yêu cầu bổ sung chế độ ngừng việc, Hội đồng xét xử thấy: trường hợp người công nhân được thuê lao động mà tổ chức đó bị ngừng sản xuất thì mới được hỗ trợ trợ cấp ngừng việc theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, **Công ty TNHH MTV C2** không bị ngừng sản xuất, kinh doanh nên các cá nhân nhận khoán không đủ điều kiện áp dụng trợ cấp ngừng việc. Vì vậy, án sơ thẩm bác yêu cầu này của ông **T1** là có cơ sở.

[2.4] Đối với kháng cáo yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống cho các thành viên trong hộ ông **T1** thì thấy: hộ ông **T1** có ông **T1** là công nhân, chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nên Ủy ban nhân dân huyện E phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống cho 01 nhân khẩu. Riêng mẹ ông **T1** đã nghỉ hưu nên không đủ điều kiện áp dụng hỗ trợ ổn định đời sống, là đúng quy định tại khoản 1 Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của ông **T1** là không thể chấp nhận.

[2.5] Xét kháng cáo yêu cầu xác định lại diện tích đất để tính các khoản hỗ

trợ, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ kết quả xác nhận nguồn gốc số 32/GXN-UBND ngày 12/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã E đối với hộ ông T1 thì thửa đất số 181 (một phần thửa 193a), tờ bản đồ số 68 (14), diện tích thu hồi 6.976,6m², diện tích giao khoán 6.600m², diện tích chênh lệch giữa thu hồi với giao khoán tăng 376,6m², biến động tăng do sai số giữa hai lần đo đạc 224,1m², tăng vào đất đường bờ lô không thuộc phạm vi giao khoán 152,5m². Do đó, đối với diện tích 152,5m² lấn vào đường bờ lô (đường giao thông, không thuộc phạm vi giao đất, cho thuê đất) không đủ điều kiện hỗ trợ. Việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm chỉ hỗ trợ đối với đất nông nghiệp. Đất đường giao thông không quy định hỗ trợ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T1.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc: tính lại khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bổ sung khoản chế độ trợ cấp ngừng việc; bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho thành viên trong hộ ông T1; xác định lại diện tích đất để tính các khoản hỗ trợ, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T1; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do toàn bộ nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sung công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty TNHH MTV C2.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào Điều 229 của Luật Tổ tụng Hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C2.

II. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2025/HC-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 65, 66, 82, 83, 84 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tính lại khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

- Bổ sung khoản tiền chế độ trợ cấp ngừng việc;
- Bổ sung thêm khoản tiền hỗ trợ ổn định đời sống cho thành viên trong hộ ông **Phạm Văn T1**;

- Xác định lại diện tích đất để tính các khoản hỗ trợ.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Ông **Phạm Văn T1** phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000138 ngày 14/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành **án dân sự tỉnh Đ**).

- Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000đồng **Công ty TNHH MTV C2** đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000144 ngày 23/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành **án dân sự tỉnh Đ**).

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên